

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2017.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa chị N1 và
anh N2”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Mai Thị Bỉ;

2/ Ông Trần Văn Lô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 21/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2017 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Hằng N1, sinh năm: 1983. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Trọng N2, sinh năm: 1983. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị Hằng N1 trình bày:

Do quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 năm đến năm 2006 chị và anh Trần Trọng N2 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2006, quyền số 01/2006 ngày 25/7/2006. Năm 2008 chị và anh N2 sống chung với nhau có tổ chức đám cưới.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã M, huyện T, tỉnh Long An. Trong

thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N2 không chia sẻ việc nhà, vợ chồng độc lập về kinh tế nên thường bất đồng về quan điểm dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, anh N2 nhiều lần đánh chị, có lần anh N2 đánh chị bị thương ở mắt phải, anh N2 dùng lời lẽ và có thái độ không tôn trọng chị. Ngoài ra, năm 2013 anh N2 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị nhiều lần tạo cơ hội cho anh N2 sửa chữa lỗi lầm nhưng anh N2 vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau khoảng 01 năm nay, anh N2 thường đi làm về nhà khuya. Khoảng tháng 5/2017 chị cùng các con thuê nhà trọ sinh sống.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng N2.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Quỳnh N3, sinh năm 2009 và Trần Nguyên K, sinh năm 2015, hiện đang chung sống với chị N1. Sau khi ly hôn chị N1 yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho mỗi đứa con, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị N1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2017 và phiên hòa giải bị đơn anh Trần Trọng N2 trình bày: Anh N2 thống nhất với lời trình bày của chị N1 về quan hệ hôn nhân, con chung, chia tài sản.

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị N1 trình bày là không đúng. Vợ chồng chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn do chị N1 có mâu thuẫn với những người bên gia đình chồng nhưng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Vợ chồng có cự cãi, trong lúc nóng giận thì anh N2 có đánh chị N1. Anh N2 xác định không có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Anh N2 xác định hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Hằng N1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Quỳnh N3, sinh năm 2009 và Trần Nguyên K, sinh năm 2015, hiện đang chung sống với chị N1. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh N2 đồng ý giao 02 con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng 500.000đ/tháng cho mỗi đứa con chung.

Về chia tài sản: Anh N2 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị Hằng N1 yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng N2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Chị Ngô Thị Hằng N1 yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng N2. Ngược lại, anh N2 không đồng ý. Chị N1 và anh N2 xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn 19/2006, quyển số 01/2006 ngày 25/7/2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị N1 yêu cầu ly hôn với anh N2 vì cho rằng vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh N2 nhiều lần đánh chị N1. Anh N2 xác định vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và khi nóng giận thì có đánh chị N1 nhưng anh N2 vẫn còn tình cảm nên yêu cầu được đoàn tụ.

Xét, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy chị N1 yêu cầu được ly hôn, ngược lại anh N2 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Tại phiên tòa anh N2 thừa nhận có đánh chị N1, không có mối quan hệ bất chính nhưng có tìm hiểu người phụ nữ khác. Anh N2 mong muốn vợ chồng đồng được đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương pháp để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng không có và xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N1 và anh N2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N1 yêu cầu được ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Quỳnh N3, sinh năm 2009 và Trần Nguyên K, sinh năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn anh N2 trình bày trường hợp ly hôn anh N2 đồng ý giao con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh N2 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho mỗi đứa con, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị N1 đồng ý. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu N3 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản: Chị N1 và anh N2 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị N1 và anh N2 xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000đ án phí về ly hôn. Anh N2 phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Hằng N1 và anh Trần Trọng N2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Trần Quỳnh N3, sinh ngày 10/7/2009 và Trần Nguyên K, sinh ngày 04/4/2015 cho chị Ngô Thị Hằng N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Trọng N2 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) cho mỗi đứa con, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 21/7/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí: Chị Ngô Thị Hằng N1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04732 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Trọng N2 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện T
- THA DS huyện T.
- Các đương sự.
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa